

Số: 2071 /KH-UBND

Phú Thọ, ngày 06 tháng 6 năm 2022

KẾ HOẠCH
Triển khai Chương trình Sức khỏe Việt Nam giai đoạn 2022-2025
trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Quyết định số 5924/QĐ-BYT, ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình Sức khỏe Việt Nam giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Tổ chức thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam giai đoạn 2022-2025 nhằm xây dựng môi trường hỗ trợ, tăng cường vai trò và năng lực của mỗi người dân, thực hiện tốt công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe toàn diện để nâng cao sức khỏe, tầm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến 2025

2.1. Mục tiêu

- Bảo đảm chế độ dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực để cải thiện tầm vóc và nâng cao sức khỏe cho người dân.

- Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của mỗi người dân và cộng đồng để chủ động dự phòng các yếu tố nguy cơ phổ biến đối với sức khỏe nhằm phòng tránh bệnh, tật, bảo vệ sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

- Thực hiện quản lý, chăm sóc sức khỏe liên tục, lâu dài tại tuyến y tế cơ sở để góp phần giảm gánh nặng bệnh, tật, tử vong và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

2.2. Các chỉ tiêu đến năm 2025

Lĩnh vực/ Chỉ tiêu	Năm 2025
1. Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý	
(1) Giảm tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	<13,1%
(2) Không chế tỷ lệ người trưởng thành bị béo phì	<12%
(3) Giảm tỷ lệ người trưởng thành ăn thiếu rau/ trái cây	<50%
(4) Giảm mức tiêu thụ muối trung bình/người/ngày (gam)	<8g
2. Tăng cường vận động thể lực	
(5) Giảm tỷ lệ người dân thiếu vận động thể lực:	

Lĩnh vực/ Chỉ tiêu	Năm 2025
- Người 18 - 69 tuổi	<22%
- Trẻ em 13 - 17 tuổi	60%
3. Phòng chống tác hại của thuốc lá	
(6) Giảm tỷ lệ hút thuốc ở nam giới trưởng thành	<37%
(7) Giảm tỷ lệ hút thuốc thụ động của người dân	
- Tại nhà	<50%
- Nơi làm việc	35%
4. Phòng chống tác hại của rượu, bia	
(8) Giảm tỷ lệ uống rượu, bia ở mức nguy hại ở nam giới trưởng thành	<35%
5. Vệ sinh môi trường	
(9) Tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh	
- Nông thôn	98%
- Thành thị	100%
(10) Tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh	
- Nông thôn	85%
- Thành thị	>95%
(11) Tăng tỷ lệ người dân rửa tay với xà phòng	80%
6. An toàn thực phẩm	
(12) Giảm số vụ ngộ độc thực phẩm tập thể từ 30 người mắc/vụ trở lên (so với trung bình giai đoạn 2016-2020)	10%
(13) Tăng tỷ lệ người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người quản lý và người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm	90%
(14) Tăng tỷ lệ cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm đạt điều kiện an toàn thực phẩm	90%
7. Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh	
(15) Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đầy đủ:	>95%
(16) Tăng tỷ lệ trường học bán trú, nội trú có tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng cho học sinh:	
- Trường mầm non	70%
- Trường tiểu học	75%
(17) Tăng tỷ lệ học sinh được hướng dẫn rèn luyện thể lực	40%
8. Phát hiện và quản lý một số bệnh không lây nhiễm	

Lĩnh vực/ Chỉ tiêu	Năm 2025
(18) Tỷ lệ trạm y tế cấp xã thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm phổ biến	100%
(19) Tỷ lệ phát hiện tăng huyết áp	70%
(20) Tỷ lệ quản lý điều trị tăng huyết áp	70%
(21) Tỷ lệ phát hiện đái tháo đường	60%
(22) Tỷ lệ quản lý điều trị đái tháo đường	50%
(23) Tỷ lệ người thuộc đối tượng nguy cơ được khám phát hiện sớm ung thư (Ung thư vú, ung thư cổ tử cung và ung thư đại trực tràng)	40%
9. Quản lý sức khỏe người dân	
(24) Tỷ lệ người dân được quản lý, theo dõi sức khỏe tại cộng đồng	90%
10. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	
(25) Tỷ lệ trạm y tế cấp xã triển khai chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và gia đình	100%
11. Chăm sóc sức khỏe người lao động	
(26) Tỷ lệ người lao động làm việc tại các cơ sở có nguy cơ bị các bệnh nghề nghiệp phổ biến được phát hiện bệnh nghề nghiệp	50%
(27) Tỷ lệ xã thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe lao động cơ bản cho người lao động trong khu vực không có hợp đồng lao động (nông nghiệp, lâm nghiệp, làng nghề,...)	40%

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi, đối tượng: Toàn dân trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, có các nhóm đối tượng ưu tiên được xác định theo từng lĩnh vực cụ thể.

2. Thời gian: giai đoạn 2022 - 2025.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Công tác chỉ đạo điều hành

- Cấp ủy, chính quyền các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, coi đây là một trong những nhiệm vụ chính trị hàng đầu của từng địa phương, đơn vị.

- Các Sở, ban, ngành và địa phương tăng cường sự phối hợp, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện các chính sách, mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam thuộc lĩnh vực, phạm vi đơn vị, địa phương quản lý.

- Các huyện, thị, thành chủ động lồng ghép, đưa các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Chương trình Sức khỏe Việt Nam vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; ưu tiên phân bổ kinh phí hàng năm để đạt được các mục tiêu sức khỏe ở từng địa phương.

2. Tổ chức triển khai các nhiệm vụ chuyên môn theo lĩnh vực

2.1. Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý

- Triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Xây dựng mạng lưới tư vấn dinh dưỡng cho cộng đồng, người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em, người lao động, người mắc bệnh mạn tính không lây...; ứng dụng công nghệ thông tin để tư vấn dinh dưỡng từ xa, giúp mọi người dân có điều kiện thuận lợi để tiếp cận với chuyên gia dinh dưỡng để được tư vấn và hướng dẫn thực hiện dinh dưỡng hợp lý, vận động thực hiện giảm muối trong khẩu phần ăn, ăn đủ rau, trái cây và hạn chế sử dụng thực phẩm không có lợi cho sức khỏe...

- Tăng cường triển khai các hoạt động dinh dưỡng trong trường học, tổ chức nói chuyện chuyên đề về dinh dưỡng, chú trọng các trường bán trú.

2.2. Tăng cường vận động thể lực cho người dân

- Tăng cường hướng dẫn, khuyến nghị về mức độ hoạt động thể lực và loại hình hoạt động thể lực phù hợp với lứa tuổi cho người dân.

- Triển khai các mô hình, chương trình tăng cường hoạt động thể lực để nâng cao sức khỏe phù hợp tại nơi làm việc và tại cộng đồng; hướng dẫn kê đơn vận động thể lực trong quản lý điều trị bệnh không lây nhiễm.

- Triển khai các chương trình, đề án về tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên và cho người dân.

2.3. Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh

- Nâng cao chất lượng mạng lưới cung cấp dịch vụ tiêm chủng cho mọi đối tượng trong diện tiêm chủng; phát huy hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tiêm chủng; tổ chức theo dõi, quản lý sức khỏe học sinh trong trường học để kịp thời phát hiện trẻ em chưa được tiêm chủng đầy đủ, các vấn đề sức khỏe và bệnh tật học đường của học sinh nhằm phòng ngừa hoặc can thiệp sớm.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án “Chăm sóc vì sự phát triển toàn diện của trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2020-2025” và Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt.

2.4. Phòng, chống tác hại của thuốc lá

- Tăng cường công tác truyền thông giáo dục phòng chống tác hại thuốc lá, đặc biệt cho nhóm đối tượng học sinh, sinh viên. Xây dựng và triển khai nhân rộng mô hình không khói thuốc trong các cơ sở y tế, giáo dục, nhà hàng, khách sạn, quán ăn...góp phần làm giảm nhu cầu sử dụng thuốc lá.

- Tăng cường năng lực và hoạt động thanh tra, kiểm tra việc thực thi Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá và các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện.

2.5. Phòng, chống tác hại của rượu, bia

- Xây dựng, triển khai có hiệu quả Kế hoạch Truyền thông phòng, chống tác hại của rượu, bia đến năm 2025; phổ biến tài liệu hướng dẫn, tư vấn phòng, chống tác hại của rượu, bia ở cộng đồng và tại các cơ sở y tế.

- Hướng dẫn, tổ chức triển khai hoạt động tư vấn, sàng lọc, can thiệp giảm tác hại cho người có nguy cơ sức khỏe do uống rượu, bia tại y tế cơ sở và tại cộng đồng.
- Cập nhật, phổ biến tài liệu hướng dẫn, quy trình chẩn đoán, điều trị, phục hồi chức năng cho người mắc bệnh, rối loạn chức năng có liên quan đến uống rượu, bia; phòng, chống nghiện, tái nghiện rượu, bia.

2.6. Vệ sinh môi trường

- Tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh.
- Nâng cao năng lực giám sát và đánh giá tác động, áp dụng hệ thống quản lý thông tin và báo cáo thống kê về tình hình bệnh tật, tử vong do tác động của hóa chất độc hại và ô nhiễm môi trường.

2.7. An toàn thực phẩm

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến, giáo dục kiến thức và pháp luật về an toàn thực phẩm; tăng cường công tác hậu kiểm và xử lý nghiêm các vi phạm về an toàn thực phẩm; rà soát, xây dựng và hoàn thiện các quy định, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm.
- Nâng cao năng lực phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý an toàn thực phẩm, chuyển đổi số tạo sự tương tác, khai thác, trao đổi thông tin liên quan về an toàn thực phẩm giữa cơ quan quản lý với cơ sở thực phẩm và người dân.

2.8. Chăm sóc sức khỏe người dân tại cộng đồng, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người lao động

- Phổ biến quy định, hướng dẫn để triển khai hoạt động kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người dân, bảo đảm mọi người dân được định kỳ kiểm tra, theo dõi các chỉ số sức khỏe cơ bản phù hợp theo nhóm tuổi và nhóm đối tượng.
- Nâng cao năng lực cho tuyến y tế cơ sở để triển khai hoạt động kiểm tra sức khỏe, lập Hồ sơ sức khỏe cá nhân và quản lý, chăm sóc sức khỏe kịp thời cho người dân.
- Triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030; củng cố, phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống bệnh không lây nhiễm, khám chữa bệnh cho người cao tuổi; từng bước xây dựng mô hình chăm sóc sức khỏe dài hạn cho người cao tuổi, bảo đảm mỗi người cao tuổi được định kỳ kiểm tra huyết áp, xét nghiệm đường máu và các chỉ số cơ bản khác.
- Triển khai các chương trình, hoạt động nâng cao sức khỏe tại nơi làm việc, nâng cao nhận thức về vệ sinh môi trường lao động, các biện pháp an toàn vệ sinh lao động, phòng chống các yếu tố nguy cơ và yếu tố có hại. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp và quản lý sức khỏe người lao động tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức.

3. Theo dõi, kiểm tra giám sát và đánh giá

- Thống kê báo cáo số liệu để đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo các biểu mẫu, công cụ, quy trình, tổ chức quản lý cơ sở dữ liệu và triển khai lồng ghép thống kê báo cáo thường kỳ về kết quả thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam.
- Tổ chức các hoạt động kiểm tra giám sát liên ngành, chuyên ngành tại các địa phương để theo dõi, đánh giá, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho việc triển khai trong Chương trình Sức khỏe Việt Nam trong tất cả các lĩnh vực và tại các tuyến.
- Tổ chức các hội nghị lồng ghép với các nội dung phù hợp khác để hằng năm đánh giá tiến độ của từng lĩnh vực trong Chương trình; định kỳ tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam sau từng giai đoạn triển khai.

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước: Bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của các đơn vị, địa phương; lồng ghép các chương trình, kế hoạch liên quan theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
2. Các nguồn hợp pháp khác (nguồn tài trợ, viện trợ, huy động từ xã hội, cộng đồng,...)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Làm cơ quan đầu mối, có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này.
- Hằng năm, chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan xây dựng các nội dung hoạt động cụ thể để tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo đạt các mục tiêu, chỉ tiêu Kế hoạch đề ra, nhất là các giải pháp để thực hiện các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực y tế.
- Định kỳ sơ kết, đánh giá và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế theo quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương thực hiện tốt các chính sách, giải pháp nhằm đảm bảo thực hiện đạt các chỉ tiêu về chăm sóc sức khỏe và tăng cường vận động thể lực cho học sinh, sinh viên (chỉ tiêu 5, 16, 17).

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì phối hợp với các đơn vị, địa phương thực hiện tốt các chính sách, giải pháp nhằm đảm bảo thực hiện đạt chỉ tiêu về hoạt động thể lực cho trẻ em, người trưởng thành (chỉ tiêu 5); ưu tiên hướng dẫn, khuyến nghị về mức độ hoạt động thể lực và loại hình hoạt động thể lực phù hợp với lứa tuổi cho người dân, nhất là các địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ duy trì và phát triển tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh trên địa bàn tỉnh (chỉ tiêu 9). Tổ chức triển khai lồng ghép các hoạt động truyền thông về lĩnh vực của Chương trình sức khỏe Việt Nam giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh gắn với các hoạt động truyền thông trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình dự án có liên quan đang triển khai trong giai đoạn 2021-2025.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, bố trí kinh phí phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương để triển khai thực hiện kế hoạch, đảm bảo đạt được mục tiêu đề ra.

6. Các sở, ngành, cơ quan khác liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Y tế triển khai thực hiện Kế hoạch này; lồng ghép việc triển khai thông qua các hoạt động thường xuyên của các sở, ngành, đơn vị trực thuộc.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị

- Căn cứ Kế hoạch này và điều kiện thực tế để xây dựng nội dung, nhiệm vụ, biện pháp triển khai thực hiện chương trình tại địa phương.

- Bố trí ngân sách và lồng ghép các nguồn kinh phí từ các chương trình, dự án có liên quan nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả Chương trình tại địa bàn quản lý; chủ động lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình, kế hoạch vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hằng năm nhằm đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, yêu cầu các đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế để theo dõi, tổng hợp chung toàn tỉnh. Quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Y tế) để xem xét, điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (để b/c);
- TT TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ VN tỉnh PT;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, VX3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Đại Dũng